

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-PT
Ngày 27 tháng 9 năm 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hòa

Bà Giang Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Giàng A Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu: Bà Trần Thị Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 31/8 và 26, 27/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số: 04/2023/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 16/2023/HNGĐ-ST ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 31/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Tổ dân phố Hữu Nghị, thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Trần Thị H - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Quang Nhật - Đoàn Luật sư tỉnh Lai Châu, (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đỗ Đình M, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Tổ dân phố Hữu Nghị, thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông Lò Văn H1 – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Hoàng Liên (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Chính sách xã hội.

Địa chỉ trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, Hoàng Kiệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

+ Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng Giám đốc.

+ Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn L

Chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. (Có mặt)

- Ông Vũ Văn L1, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn Tây Nguyên, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

4. Người làm chứng:

- Chị Lê Thị T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 9, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, (Vắng mặt có lý do)

- Anh Đỗ Đình C, sinh năm 1988

Địa chỉ: Bản Hợp II, xã Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, (có mặt)

5. Người kháng cáo:

Anh Đỗ Đình M, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Tổ dân phố Hữu Nghị, thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1.1] Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Đình M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/5/2018, tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì thường phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp, không thông cảm và không có tiếng nói chung. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần. Hiện nay chị không còn tình cảm với anh M nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung, cháu Đỗ Lê Hạ V, sinh ngày 07/12/2018 và cháu Đỗ Đình Anh K, sinh ngày 17/02/2021. Chị có nguyện vọng được trực tiếp được nuôi hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Trường hợp chị và anh M mỗi người được nuôi 01 con thì không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung gồm:

+ Quyền sử dụng đối với thửa đất số 41, tờ bản đồ số 89, diện tích 105,4m² Giấy CNQSD số CL113875, do Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu cấp ngày 31/10/2018, mang tên ông Đỗ Đình M và bà Lê Thị D.

+ Tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà cấp 4;

+ Tài sản là đồ dùng trong nhà: 01 tủ lạnh nhãn hiệu SASUNG 360 lít mua năm 2022; 01 bếp từ âm Canzy mua năm 2022; 01 máy giặt cửa đứng nhãn hiệu LG do chị gái chị D cho vào năm 2022; 03 điều hòa (01 chiếc nhãn hiệu LG mua năm 2019, có công suất 11.200 BTU; 02 chiếc nhãn hiệu Asanzo mua vào năm 2020, có công suất là 9.000 BTU); 01 bộ bàn ghế ăn gỗ (gồm 01 bàn và 06 ghế) mua năm 2020; 01 bộ bàn ghế sofa mua năm 2020.

+ Số tiền 572.000.000 đồng do bán xe ô tô BKS 25A-0140 khoảng tháng 5/2022.

Về nguồn gốc hình thành tài sản: Mua đất năm 2018 hết 515.000.000 đồng (anh M bỏ ra là 25.000.000 đồng và 3 chỉ vàng, lúc đó bán được khoảng 10.000.000 đồng; mẹ đẻ chị D cho 256.000.000 đồng; chị gái chị D cho 70.000.000 đồng; tiền quà cưới và tiền mừng đám cưới là 154.000.000 đồng). Xây nhà hết 450.000.000 đồng gồm: Vay Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phong Thổ 300.000.000, đồng; còn lại khoảng 150.000.000 đồng là do hai vợ chồng tiết kiệm. Các tài sản là đồ dùng trong nhà do chị Lê Thị T cho riêng chị D. Chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, BKS 25A-01401, được mua lại của chị Lê Thị T vào khoảng tháng 12/2020, giá 650.000.000 đồng, tiền do hai vợ chồng tiết kiệm. Tháng 5/2022 bán xe được 572.000.000 đồng, hiện anh M đang giữ.

- Về nợ chung: Nợ chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phong Thổ số tiền tính đến ngày 02/6/2023 là 268.560.000 đồng và ông Vũ Văn L1 20.835.000 đồng để mua vật liệu làm nhà.

- Chi yêu cầu Tòa án chia như sau: Giá trị đất và ngôi nhà trên đất chia cho chị nhiều hơn vì phần lớn được mua bằng tiền của mẹ đẻ và chị gái chị cho. Số tiền bán xe 572.000.000 đồng chia đôi, mỗi người được hưởng 1/2. Đồ dùng trong nhà đều là tài sản được cho riêng yêu cầu Tòa án giao cho chị những tài sản này. Chị có nguyện vọng được nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản trong nhà, chị có trách nhiệm trả cho anh M số tiền tương ứng với phần giá trị tài sản anh M được hưởng. Về số tiền nợ chung chia đôi, chị và anh M mỗi người phải trả 1/2 tổng số nợ.

[1.2] Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Đỗ Đình M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như lời khai của chị D. Hiện nay, anh không còn tình cảm với chị D nữa nên anh nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hiện nay anh có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu. Nếu chị D cũng muốn nuôi con thì anh nhất trí để chị nuôi cháu K, anh nuôi cháu V và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Về tiền mua đất chủ yếu do mẹ và chị gái chị D cho, đúng như lời khai của chị D. Làm nhà hết 700.000.000 đồng (chưa tính các thiết

bị trong nhà). Tiền làm nhà và mua thiết bị trong nhà là do hai vợ chồng vay ngân hàng 300.000.000 đồng, vay anh Đỗ Đình C số tiền 450.000.000 đồng. Tiền mua xe hết 650.000.000 đồng do vay tiền của anh C, sau khi bán xe được 572.000.000 đồng đã trả hết cho anh C. Anh không nhất trí chia cho chị D $\frac{1}{2}$ số tiền bán xe ô tô. Anh yêu cầu chị D có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền đã vay của anh Chiến để làm nhà.

- Về nợ chung: Anh thống nhất những khoản nợ mà chị D đã nêu. Ngoài ra hai vợ còn nợ anh Đỗ Đình C 450.000.000 đồng, nợ anh T số tiền 82.000.000 đồng, đều là tiền mua vật liệu để làm nhà.

[1.3] Tại biên bản lấy lời khai, đơn xin vắng mặt tại phiên tòa của anh Đỗ Đình C, anh C trình bày không có việc cho vay tiền giữa anh C với vợ chồng anh M, chị D, mọi việc liên quan đến vụ án ly hôn này anh không biết và không có ý kiến gì.

[1.4] Lời khai của những người làm chứng là bà Lê Thị N, chị Lê Thị T là chị gái của chị D về số tiền cho vợ chồng chị D, anh M mua đất, làm nhà đúng như lời khai của chị D. Chị có bán chiếc xe ô tô cho vợ chồng chị D, anh M; các tài sản trong nhà đúng như lời khai của chị D.

[1.5] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NHCSXH có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ còn lại của vợ chồng chị D, anh M theo Hợp đồng tín dụng số: 08/2020/HĐTD, lập ngày 12/3/2020, giữa bên cho vay là Phòng giao dịch NHCSXH huyện Phong Thổ, bên vay là ông Đỗ Đình M. Số tiền phải trả tính đến ngày 02/6/2023 là: 268.560.000 đồng (trong đó: gốc: 264.800.000 đồng; lãi: 3.760.000 đồng) và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

[1.6] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn L1 có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị D, anh M trả số tiền 20.835.000 đồng.

[1.7] Các đương sự đều thống nhất: Về nghĩa vụ trả nợ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người được giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản trả, nguyên đơn và bị đơn khấu trừ quyền, nghĩa vụ cho nhau.

[2] Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2023/HNGĐ-ST ngày 02/6/2023 Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị D và anh Đỗ Đình M.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Lê Hạ V, sinh ngày 07/12/2018, cho anh Đỗ Đình M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Giao cháu Đỗ Đình Anh K, sinh ngày 17/02/2021, cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Chị Lê Thị D và anh Đỗ Đình M không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung:

- Chị Lê Thị D được chia tài sản gồm: Quyền sử dụng đất đối với thửa số 41, tờ bản đồ số 89, diện tích: 105,4m², Giấy CNQSD đất số: CL113875, do UBND huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu cấp ngày 31/10/2018, mang tên ông Đỗ Đình M và bà Lê Thị D, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố Hữu Nghị, thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; Tài sản trên đất 01 ngôi nhà cấp 4; các tài sản: 01 tủ lạnh SASUNG 360 lít; 01 bếp từ âm Canzy; 01 chiếc máy giặt cửa đứng nhãn hiệu LG; 03 điều hòa; 01 bộ bàn ghế ăn gỗ (gồm 01 bàn và 06 ghế); 01 bộ bàn ghế sofa. Có trách nhiệm trả cho anh Đỗ Đình M số tiền: 16.902.000 đồng; trả cho ông Vũ Văn L1 số tiền: 20.835.000 đồng; trả cho Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phong Thổ số tiền 268.560.000 đồng và lãi theo Hợp đồng tín dụng số: 08/2020/HĐTD, lập ngày 12/3/2020, giữa bên cho vay là Phòng giao dịch NHCSXH huyện Phong Thổ, bên vay là ông Đỗ Đình M.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau khi ly hôn, về thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/6/2023 bị đơn anh Đỗ Đình M có đơn kháng cáo phần tài sản chung và nợ chung (đề ngày 12/6/2023), đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cụ thể:

1. Thu thập và làm rõ các tài liệu liên quan đến các giao dịch thanh toán giữa hai vợ chồng và ông Đỗ Đình C; giữa ông Đỗ Đình C và bà Lê Thị T.

2. Thẩm định và định giá bổ sung tài sản chung là cánh cổng căn nhà (trị giá sau khi khấu hao là 40.000.000 đồng).

3. Xác định thêm khoản nợ của hai vợ chồng với ông Đỗ Đình C là 657.500.000 đồng, bà D phải chịu ½ khoản nợ trên.

4. Bác quyết định sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn ½ số tiền 572.000.000 đồng bán xe ô tô.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

[4.1] Bị đơn rút một phần nội dung kháng cáo về **“Thẩm định và định giá bổ sung tài sản chung là cánh cổng căn nhà”**, **các yêu cầu khác giữ nguyên**, cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

- Về nguồn gốc đất: Do hai vợ chồng mua năm 2018 từ số tiền mẹ vợ, chị vợ cho; tiền cá nhân của anh M và tiền mừng đám cưới của hai vợ chồng.

- Nguồn gốc nhà và các tài sản trong nhà:

+ Tiền xây nhà và mua sắm nội thất năm 2020 hết 745.300.000 đồng, do vợ chồng vay NHCSXH 300.000.000 đồng; vay anh C 414.500.000 đồng ngày 27/8/2020; vay anh C 425.000.000 đồng ngày 29/12/2020 (350.000.000 đồng trả tiền mua xe ô tô; 75.000.000 đồng trả nợ xây nhà và chi tiêu gia đình).

+ Các vật dụng khác trong nhà: một phần do chị T (chị vợ) cho, một phần do vợ chồng mua.

+ Xe ô tô: Mua năm 2021 của chị T với giá 650.000.000 đồng; tiền mua xe là do vay tiền của anh C (chuyển khoản ngày 29/12/2020 số tiền 350.000.000 đồng; nộp vào tài khoản của chị T số tiền 300.000.000 đồng vào tháng 01/2021); đến ngày

26/5/2022 bán cho anh Nguyễn Ngọc N1 với giá 50.000.000 đồng (thực tế là 572.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản anh M ngày 09/5/2022, sau đó M gửi tiết kiệm tại Bưu Điện và rút số tiền này trả cho anh C).

+ Các khoản thu nhập của hai vợ chồng chỉ có lương, do đi làm xa, sáng đi tối về nên không có thời gian, anh M không tham gia mở Doanh nghiệp. Thời gian 2018 – 2020 đi thuê nhà (2 triệu/tháng), chị D nuôi con nhỏ nên không có tiền tiết kiệm.

- Các khoản nợ:

+ Nợ NHCSXH số tiền tính đến ngày 02/6/2023 là 268.560.000 đồng.

+ Nợ ông Vũ Văn L1 20.835.000 đồng.

+ Nợ ông Đỗ Đình C 567.500.000 đồng

- Quan điểm giải quyết: Không chia tiền bán xe do tiền đó đã trả nợ cho anh C; mỗi bên sẽ phải chịu ½ khoản nợ; sau khi đối trừ ai được quyền sử dụng nhà và đất chịu trách nhiệm trực tiếp trả nợ Ngân hàng và ông L1.

[4.2] Nguyên đơn trong biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Quá trình làm nhà do chị là phụ nữ nên chị không trực tiếp làm, mà chủ yếu anh M làm, chị không biết cụ thể việc xây nhà và mua sắm trang thiết bị hết bao nhiêu, chỉ biết vay ngân hàng 300.000.000 đồng và tiền tiết kiệm 150.000.000 đồng để làm nhà, chị không thấy anh M nói gì việc vay tiền anh C làm nhà. Năm 2019 anh M cùng anh C mở doanh nghiệp (Doanh nghiệp N-V, V là tên con gái đầu, giấy tờ của doanh nghiệp để trong két của nhà), hoạt động của doanh nghiệp chị D không biết và cũng không tham gia. Ngoài lương tháng chị còn bán hàng online (thu nhập trung bình 2.000.000 đồng/tháng); khi mua xe ô tô đầu năm 2021 anh M nói là lấy tiền làm thêm để mua (chị D không cung cấp được tài liệu chứng minh tiền làm thêm của anh M), đăng ký mang tên chị D; đến khoảng tháng 5/2022 bán xe do làm ăn khó khăn, toàn bộ số tiền 572.000.000 đồng được chuyển vào tài khoản của anh M. Tại cấp sơ thẩm anh C nói vợ chồng D & M không nợ nần gì; Tòa sơ thẩm yêu cầu anh M cung cấp tài liệu chứng cứ, anh M không cung cấp được.

Chị D không nhất trí yêu cầu kháng cáo của anh M, đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đề nghị HĐXX tách yêu cầu của anh C để giải quyết bằng vụ án tranh chấp khác.

[4.3] Trong biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông Đỗ Đình C trình bày:

Tổng số tiền ông C cho vợ chồng D & M vay là 1.139.500.000 đồng gồm các lần:

Lần 1: 414.500.000 đồng chuyển trực tiếp vào tài khoản anh M tại Ngân hàng BIDV huyện phong Thổ ngày 27/8/2020.

Lần 2: 425.000.000 ủy nhiệm chi vào tài khoản anh M tại Ngân hàng BIDV huyện phong Thổ ngày 29/12/2020.

Lần 3: 300.000.000 đồng chuyển trực tiếp vào tài khoản chị Lê Thị T (chị gái D) tại Ngân hàng BIDV huyện Phong Thổ tháng 01/2021 (không nhớ ngày, chứng từ đã thất lạc) mục đích trả tiền mua xe cho M.

M đã trả được 572.000.000 đồng, chia làm nhiều lần, lần cuối 28/7/2022.

Không có chuyện anh M tham gia cùng ông C mở doanh nghiệp, doanh nghiệp đăng ký tên cá nhân ông C, M đi làm nhà nước không có thời gian tham gia, chị D không có tài liệu nào chứng minh việc tham gia của anh M.

Lý do tại cấp sơ thẩm ông C nói vợ chồng D + M không nợ nần gì là do mong muốn hai em không ly hôn, mặt khác D + M hứa trả cho anh C; cấp sơ thẩm chỉ hỏi khoản vay làm nhà, chưa hỏi khoản vay mua xe ô tô; hiện nay vợ chồng D + M còn nợ ông C số tiền 567.500.000 đồng.

Ông C đề nghị Tòa án xem xét đảm bảo quyền lợi cho ông.

[4.4] Chị Lê Thị T trong đơn xin vắng mặt trình bày: Cuối năm 2020 gia đình chị T bán chiếc xe TOYOTA 07 chỗ cho vợ chồng D + M với giá 650.000.000 đồng, có nghe M nói đợt này mua xe còn thiếu sẽ lấy tiền công trình về, M nói chuyển trước 350.000.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng khoảng một tuần hoặc 10 ngày nữa thanh toán tiền công trình làm chung với anh C, có thể M chuyển hoặc anh C được thanh toán công trình sẽ chuyển thẳng cho chị. Sau đó khoảng một tuần sau thấy điện thoại báo có 300.000.000 đồng anh C chuyển vào.

[4.5] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng CSXH huyện Phong Thổ; ông Vũ Văn L1 đề nghị HĐXX phúc thẩm buộc vợ chồng D + M có trách nhiệm trả khoản nợ, ai là người được sử dụng nhà và đất sẽ trả khoản nợ trên.

[5] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và nguyên đơn đề nghị: Toàn bộ nợ phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm; Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu của bị đơn.

[6] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và người kháng cáo (bị đơn) đề nghị:

+ Xem xét nguồn gốc hình thành tài sản: Nhà, xe ô tô.

+ Các yêu cầu của người kháng cáo không phải là mới, đã được đưa ra tại sơ thẩm, tuy nhiên chưa được xem xét.

+ Đề nghị HĐXX hủy một phần bản án phân chia tài sản chung, nợ chung để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân có ý kiến:

Căn cứ Điều 59, Điều 60 Luật HN&GD; Điều 210, Điều 213, Điều 466, Điều 468 BLDS; Điều 148, Điều 270, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 293, Khoản 3 Điều 308, Điều 310 BLTTDS. khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận đơn kháng cáo của anh Đỗ Đình M, đề nghị TA cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm số 16/2023/HNGĐ-ST ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ về chia tài sản chung và nợ chung, chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại từ đầu về tài sản chung và nợ chung. **Đình chỉ yêu cầu “Thẩm định và định giá bổ sung tài sản chung là cánh cổng căn nhà”**. Xác định nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của bị đơn anh Đỗ Đình M làm trong thời hạn luật định, phù hợp với các quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- **Tại phiên tòa người kháng cáo rút một phần yêu cầu kháng cáo hoàn toàn tự nguyện, HĐXX căn cứ Điều 284; Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận.**

- Phiên tòa ngày 31/8/2023 đại diện Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa xác minh, thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ về việc anh C chuyển tiền cho anh M; anh M sử dụng tiền bán xe ô tô gửi tiết kiệm, sau đó rút toàn bộ trả nợ anh C. HĐXX căn cứ các Điều 235; 259; 304 của Bộ luật TTDS tạm ngừng phiên tòa theo quy định.

- Ngày 26/9/2023 phiên tòa tiếp tục tiến hành, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng CSXH; ông Vũ Văn L1 có đơn xin vắng mặt. HĐXX căn cứ Điều 228 của Bộ luật TTDS phiên tòa tiến hành theo quy định.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đơn trình bày của anh Đỗ Đình C và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh M khẳng định tài các tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm có:

- Tài sản: 01 thửa đất số 41, tờ bản đồ 89, diện tích 105m², địa chỉ Tổ dân phố hữu nghị, thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, trị giá 450.000.000 đồng; 01 ngôi nhà cấp 4 (xây năm 2020, 03 phòng ngủ, 01 phòng khách, 01 bếp và 01 phòng tắm) trị giá 414.700.000 đồng; các vật dụng khác trong gia đình trị giá 30.500.000 đồng; và 01 xe ô tô (đã bán) trị giá 572.000.000 đồng;

- Các khoản nợ: Nợ NHCSXH số tiền tính đến ngày 02/6/2023 là 268.560.000 đồng và Nợ ông Vũ Văn L1 20.835.000 đồng.

Trình bày của anh M thống nhất với trình bày của chị D do đó cấp phúc thẩm đồng tình với đánh giá của cấp sơ thẩm đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định của Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh M kháng cáo về công nợ chung, anh M cho rằng để có được nhà và xe anh M đã phải vay anh trai của mình là anh Đỗ Đình C số tiền 1.139.500.000 đồng, anh M bán xe ô tô được 572.000.000 đồng là đúng, số tiền này sau khi bán xe anh M quản lý và anh M đã dùng số tiền bán xe là tài sản chung trả nợ cho anh C;

còn lại vợ chồng anh chị còn nợ anh C số tiền là 567.500.000 đồng. Xét thấy Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào trình bày về nợ chung của anh M đưa anh C vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên tại giai đoạn sơ thẩm anh C trình bày không có nợ chung, không được cho vợ chồng anh chị D-M vay tiền và đề nghị Toà án xét xử vắng mặt anh. Như vậy cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng tố tụng để bảo vệ quyền lợi của anh C nhưng anh C không thừa nhận và không đề cập giải quyết, mặt khác chị D không thừa nhận có nợ chung. Do vậy Toà án cấp sơ thẩm chưa xem xét về nợ chung giữa anh C với vợ chồng anh M là có cơ sở. Tại phiên toà phúc thẩm anh M vẫn giữ nguyên yêu cầu về việc xem xét nợ chung với anh C, anh C cũng có đơn trình bày đề nghị Toà án xem xét khoản nợ chung của vợ chồng anh chị D-M như anh M trình bày. Tại cấp sơ thẩm anh M có kê khai 2 khoản nợ với anh C nợ tiền làm nhà và nợ tiền xe, nợ anh T số tiền 82.000.000 đồng, đối với anh T do anh M không cung cấp được họ tên địa chỉ, đối với anh C cấp sơ thẩm đã triệu tập anh C tham gia tố tụng do anh C khai không có việc cho anh M vay tiền do vậy Toà án cấp sơ thẩm không xem xét về nội dung này là phù hợp đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà phúc thẩm Luật sư của anh M và Đại diện viện kiểm sát tỉnh Lai Châu đề nghị HĐXX phúc thẩm huỷ một phần bản án sơ thẩm về tài sản chung, nợ chung, giao cho Toà án huyện Phong Thổ thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

HĐXX thấy rằng do anh C từ chối không tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và cho rằng không có nợ chung, về khoản nợ trình bày của anh C và anh M tại cấp phúc thẩm có nội dung cấp sơ thẩm chưa giải quyết theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần bản án quyết định sơ thẩm có kháng cáo kháng nghị. Như vậy liên quan tới nợ chung của vợ chồng anh chị D-M, **đây là nội dung mà cấp sơ thẩm chưa giải quyết**, việc vợ chồng anh chị D-M có nợ anh C hay không thì chưa được làm rõ, tại cấp phúc thẩm các đương sự cũng không thống nhất được như vậy việc huỷ một phần bản án để giải quyết lại về nội dung công nợ chung giữa vợ chồng anh chị D-M và anh C là không cần thiết, bởi yêu cầu của anh C là một yêu cầu độc lập, anh C có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết bằng một vụ án khác đảm bảo các quyền cung cấp tiếp cận chứng cứ mà tại cấp phúc thẩm không thể thực hiện được do vượt quá phạm vi, mặt khác đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự do đó, không cần thiết phải huỷ bản án sơ thẩm vẫn đảm bảo được quyền lợi của anh C.

Từ những phân tích và nhận định trên HĐXX không chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên và Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn về việc huỷ một phần bản án để giải quyết về công nợ chung khi công nợ đó chưa được giải quyết tại sơ thẩm và đương sự vẫn có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác, Từ đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn và ý kiến yêu cầu của anh C tại cấp phúc thẩm cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn (người kháng cáo) không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 148; Điều 284; Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Đỗ Đình M;

[1] Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu “Thẩm định và định giá bổ sung tài sản chung là cánh cổng căn nhà”.

[2] Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 16/2023/HNGĐ-ST ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1996

Bị đơn: Anh Đỗ Đình M, sinh năm 1991

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của bị đơn được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại anh Đỗ Đình M số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2021/0001287 ngày 15/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

[4] Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- TAND huyện Phong Thổ;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Đức Long